

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS - ST
Ngày: 17- 8 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Lê Thị Linh Phượng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1964 (có mặt)

Bà Võ Thị C, sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Ú, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2023, biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S, bà Võ Thị C trình bày:

Giữa vợ chồng ông, bà với ông Lê Văn Ú có mối quan hệ hàng xóm với nhau, nên vào ngày 15/8/2020 âm lịch nhằm ngày 01/10/2020 ông Ú có vay số

tiền 110.000.000 đồng, đến ngày 01/10/2020 AL nhằm ngày 15/11/2020 ông Ú vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng, 02 lần vay là 130.000.000 đồng, khi vay ông Ú có viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền không ghi thời hạn, nhưng có thỏa thuận miệng là 06 tháng thì ông Ú phải trả lại tiền, khi vay thỏa thuận lãi suất là 2,5%, tiền lãi trả hàng tháng. Đến hạn, nhiều lần yêu cầu ông Ú trả lại tiền nhưng ông Ú không thực hiện. Nay ông Nguyễn Hoàng S, bà Võ Thị C, khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Ú phải trả tổng số tiền vay là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Lê Văn Ú, được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa, qua xác minh thì ông Ú có mặt tại địa phương.

Do ông Lê Văn Ú không đến Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Hoàng S, bà Võ Thị C khởi kiện ông Lê Văn Ú¹ về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, của bị đơn chưa chấp hành.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền thể hiện nội dung ngày 15/8/2020 âm lịch và ngày 01/10/2020 âm lịch thì ông Lê Văn Ú có vay tiền của ông S, bà C tổng số tiền là 130.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,5% tháng, có chữ ký tên và viết họ tên Lê Văn Ú. Do ông Lê Văn Ú được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không thể hiện ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

+ Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập giải quyết.

+ Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần cho ông Lê Văn Ú, nhưng ông Ú vắng mặt không vì trở ngại khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ú theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Hoàng S, bà Võ Thị C với ông Lê Văn Ú được xác lập vào ngày 15/8/2020 âm lịch và ngày 01/10/2020 AL. Qua đối chiếu thời gian thì ngày 15/8/2020 âm lịch là ngày 01/10/2020 dương lịch và ngày 01/10/2020 AL là ngày 01 /11/2020 dương lịch, các bên có viết giấy vay tiền, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 06 tháng, lãi suất vay thỏa thuận là 2,5% tháng. Như vậy, “Hợp đồng vay tài sản” giữa ông S, bà C với ông Ú là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, được áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[2.2] Ông Lê Văn Ú được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Ú có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng ông Ú không cung cấp được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[2.3] Tại phiên tòa, ông S, bà C khẳng định ông Ú có vay số tiền 130.000.000 đồng, ông S, bà C cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền, có chữ ký của ông Ú, và cháu L. Đến hạn, ông Ú không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Nay ông S, bà C yêu cầu ông Ú phải trả số tiền vay 130.000.000 đồng. Do ông Ú không đến Tòa án, nhưng tại bản tự khai ngày 05/6/2023 (bút lục số 41) thì cháu L thừa nhận ông Ú là cha có vay tiền của ông S là 130.000.000 đồng, còn việc thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất như thế nào thì cháu L không biết. Như vậy, ông S, bà C yêu cầu ông Ú phải trả số tiền vay 130.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.4] Theo giấy vay tiền giữa ông S với ông Ú có cháu Lê Đình L1, sinh năm 2007, ký tên, nhưng tại thời điểm viết giấy, cháu L1 mới 13 tuổi và nay mới được 16 tuổi. Đồng thời, ông S, bà C không có yêu cầu cháu L1 liên đới cùng với ông Ú trả nợ, nên Tòa án không đưa cháu L1 vào tham gia tố tụng.

[2.5] Ông S, bà C không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay, kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm nên không đề cập đến.

[2.6] Ông S, bà C yêu cầu ông Ú phải trả lãi trong giai đoạn thi hành án, được tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất là 10% năm là có căn cứ được quy tại Điều 357, theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà C đối với ông Ú là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông S, bà C được Tòa án chấp nhận nên ông Ú phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí là 5% đối với số tiền phải trả cho ông S, bà C.

Ông S, bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 466, 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S, bà Võ Thị C đối với ông Lê Văn Ú1 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Ông Lê Văn Ú phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng S, bà Võ Thị C tổng số tiền là 130.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Văn Ú phải chịu 6.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng S, bà Võ Thị C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông S, bà C 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004069 ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hựu